Chương 6. SỐ THẬP PHÂN

Bài 1. SỐ THẬP PHÂN

A. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Phân số thập phân là phân số có mẫu số là luỹ thừa của 10.
2. Các phân số thập phân dương được viết dưới dạng số thập phân dương.

   Các phân số thập phân âm được viết dưới dạng số thập phân âm.
3. Số thập phân gồm hai phần:

   – Phần số nguyên viết bên trái dấu phẩy;

   – Phần thập phân viết bên phải dấu phẩy.
4. Hai số thập phân gọi là đối nhau khi chúng biểu diễn hai phân số thập phân đối nhau.
5. Để so sánh hai số thập phân tuỳ ý ta dùng quy tắc như quy tắc so sánh hai số nguyên:

   – Nếu hai số thập phân trái dấu, số thập phân dương luôn lớn hơn số thập phân âm.

   – Trong hai số thập phân âm, số nào có số đối lớn hơn thì số đó nhỏ hơn.
   Ta cũng có thể so sánh hai số thập phân bằng cách so sánh hai phân số thập phân tương ứng với chúng.

B. BÀI TẬP MẪU

Bài 1. Viết các phân số thập phân sau đây dưới dạng số thập phân:

$$\frac{12}{100}; -\frac{8}{10}; -\frac{15}{100}; \frac{7}{1000}; -\frac{9}{1000}.$$

Giải

Đổi lần lượt các phân số thập phân trên ra số thập phân, ta được:

0,12; –0,8; –0,15; 0,007; –0,009.

Bài 2. Viết các số thập phân sau đây dưới dạng phân số thập phân:

0,05; –0,7; –0,002; 0,004; –0,04.

Giải

Đổi lần lượt các số thập phân trên ra phân số thập phân, ta được:

$$\frac{5}{100}; -\frac{7}{10}; -\frac{2}{1000}; \frac{4}{1000}; -\frac{4}{100}.$$

Bài 3. Tìm số đối của các số thập phân sau:

8,45; –15,44; –0,8; 125,66.

Giải

Số đối của các số thập phân trên lần lượt là:

–8,45; 15,44; 0,8; –125,66.

Bài 4. Hãy sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần:

3,89; –5,9; 0,8; –6,3; –0,1; 15,17.

Giải

Sắp xếp các số thập phân trên theo thứ tự tăng dần, ta được:

–6,3; –5,9; –0,1; 0,8; 3,89; 15,17.

Bài 5. Viết các số thập phân sau đây dưới dạng phân số tối giản:

–0,40; 0,25; –3,125; –5,24.

Giải

Lần lượt đổi các số thập phân ra phân số thập phân, sau đó rút gọn phân số ta được:

$$-0,40 = -\frac{2}{5}; 0,25 = \frac{1}{4}; -3,125 = -\frac{25}{8}; -5,24 = -\frac{131}{25}.$$

C. BÀI TẬP

1. Viết các phân số thập phân sau đây dưới dạng số thập phân:

$$\frac{24}{100}; -\frac{27}{10}; -\frac{45}{100}; \frac{9}{1000}; -\frac{7}{1000}.$$

2. Viết các số thập phân sau đây dưới dạng phân số thập phân:

0,15; –0,005; –0,04; 0,008; –0,4.

3. Tìm số đối của các số thập phân sau:

–18,5; 12,54; –0,08; 245,33.

4. Hãy sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần:

12,79; –25,9; 0,12; –16,23; –0,41; 5,17.

5. Viết các số thập phân sau đây dưới dạng phân số tối giản:

–0,45; 0,125; –4,25; –8,24.